

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 26- 5- 2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thượng Trọng Ký

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Nguyễn Thanh Hải;

2- Ông Nguyễn Công Huy;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Công Danh- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị T**, sinh năm 1998;

Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 4, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Trọng N**, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện đang thi hành án tại trại giam K.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08- 02- 2023, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị T bày:*

**- Về hôn nhân:** Chị và anh Lê Trọng N có đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/2017 tại UBND xã xã T, huyện S, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

chung ở xóm 4, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi từ đó đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh N vi phạm pháp luật hình sự.

Việc mâu thuẫn của vợ chồng Chị không thể tự giải quyết và hiện nay tình cảm giữa Chị với anh N không còn. Vậy, Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh N.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con là Lê Trương Như Q, sinh ngày 18/3/2018 và Lê Trương Q1, sinh ngày 15/8/2019. Con hiện nay do Chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, đi học ở thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Khi ly hôn Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Trọng N có đơn xin gia hạn trình bày:*

Bản thân anh đang chấp hành án tại trại giam K đến ngày 02/7/2023. Trong thời gian chấp hành án Anh đã suy nghĩ rất nhiều và nhận ra được bản thân mình rất có lỗi với vợ và 02 con. Vì đã không nghe lời vợ để vướn vào lao lý, để vợ ngoài xã hội bươn chải làm mướn để nuôi 02 con nhỏ mà không có Anh để đỡ đần chăm sóc vợ con. Anh đã nhận ra sai lầm của mình nên đã ra sức lao động, học tập, cai tạo và được giảm án về sớm với gia đình, làm lại cuộc đời để bù đắp lại khoản thời gian mà anh đã làm cho vợ con khổ sở. Bản thân anh vẫn còn thương vợ con nên rất buồn khi vợ anh là chị Trương Thị T đưa đơn xin ly hôn với anh, nên anh viết đơn xin gia hạn với thời gian là 04 tháng để anh có thời gian gặp mặt vợ con để xin vợ tha thứ cho anh. Vì vậy, anh không muốn ly hôn với chị T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh phát biểu:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Trương Thị T với anh Lê Trọng N.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Trương Như Q, sinh ngày 18/3/2018 và Lê Trương Q1, sinh ngày 15/8/2019, anh N không cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

+ Nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Chị Trang phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh N tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/2017 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt vì trở ngại khách quan (đang thi hành án tại trại giam Kim Sơn). Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, Chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị T với anh N không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N có đơn xin gia hạn nhưng chị T cương quyết ly hôn anh N. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Trương Như Q, sinh ngày 18/3/2018 và Lê Trương Q1, sinh ngày 15/8/2019, anh N không cấp dưỡng cho con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản gì nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lê Trọng N.

**2.** Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Trương Như Q, sinh ngày 18/3/2018 và Lê Trương Q1, sinh ngày 15/8/2019, anh N không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3.** Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

**4.** Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

**5.** Về án phí: Chị Trương Thị T nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003957 ngày 16-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, chị Trang đã nộp đủ tiền án phí.

**6.** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyện S,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**Thượng Trọng Ký**